

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91–97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|--|--------------|
| 1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02 - 05 |
| 2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ | 06 |
| 3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 | 07 - 08 |
| 4. Kết quả kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 | 09 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 | 10 |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 | 11 - 38 |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (tên giao dịch là: Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, tên gọi tắt là BFC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Trong quá trình hoạt động công ty đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 1 ngày 13 tháng 02 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 476.400.000.000 đồng.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : BFC

2. Trữ sở hoạt động**2.1 Trữ sở chính hoạt động**

Địa chỉ : C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) – 3756 0110

Fax : +84 (8) – 3756 0799

Mã số thuế : 0302975517

2.2 Đơn vị trực thuộc

Nhà máy Bình Điền Long An

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

3. Cấu trúc công ty

Công ty con

| STT | Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|-----|---|---|---------------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| 1. | - Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An | Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam | Thể thao, quảng cáo | 100% | 100% | 100% |
| 2. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong | Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |
| 3. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng | Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

| STT | Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|-----|---------------------------------------|---|---------------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| 4. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị | Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |
| 5. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình | Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |

4. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------|------------|--------------------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Văn Thiệu | Chủ tịch | 24/04/2015 | - |
| Ông Lê Quốc Phong | Thành viên | 24/04/2015 | - |
| Ông Ngô Văn Đông | Thành viên | 24/04/2015 | - |
| Ông Đỗ Quang Huy | Thành viên | 24/04/2015 | - |
| Ông Phan Văn Tâm | Thành viên | 24/04/2015 | - |

4.2 Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|------------|--------------------------------|-----------------|
| Ông Trương Minh Phú | Trưởng ban | 27/04/2016 | - |
| Ông Hà Thanh Sơn | Trưởng ban | 24/04/2015 | 27/04/2016 |
| Ông Hà Thanh Sơn | Thành viên | 27/04/2016 | - |
| Bà Nguyễn Bích Thúy | Thành viên | 24/04/2015 | - |
| Bà Đào Thị Ngọc Lan | Thành viên | 24/04/2015 | 27/04/2016 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016



4.3 Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u> | <u>Ngày miễn nhiệm</u> |
|---------------------|-------------------|--|----------------------------|
| Ông Lê Quốc Phong | Tổng Giám đốc | 12/11/2015 | - |
| Ông Nguyễn Minh Sơn | Phó Tổng Giám đốc | 15/02/2016 | - |
| Ông Võ Văn Phú | Phó Tổng Giám đốc | 28/02/2013 | - |
| Ông Ngô Văn Đông | Phó Tổng Giám đốc | 28/02/2013 | - |
| Ông Trần Tấn Sơn | Kế toán trưởng | 30/11/2011 | - |

6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Quốc Phong – Tổng Giám đốc.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 07 đến trang 38.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng nào hoặc có bản chất bất thường nào khác sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Tập đoàn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2016.

TM. Ban Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG
Tổng Giám đốc



Số: 2461/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CÔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 18 tháng 08 năm 2016, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 0967-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 2.911.477.138.444 | 2.810.625.320.769 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 466.544.081.294 | 425.567.717.430 |
| 111 | 1. Tiền | | 465.054.081.294 | 418.667.717.430 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 1.490.000.000 | 6.900.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | V.2a | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 865.855.556.739 | 481.284.642.434 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.3 | 744.972.055.527 | 431.125.695.754 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.4 | 41.262.482.469 | 35.947.330.676 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | V.5 | 85.344.962.926 | 19.818.875.929 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | V.6 | (5.723.944.183) | (5.607.259.925) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | V.7 | 1.488.697.844.317 | 1.760.076.255.954 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 1.488.697.844.317 | 1.760.076.255.954 |
| 142 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | - | - |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 80.379.656.094 | 133.696.704.951 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 677.049.052 | 143.138.196 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 79.521.968.813 | 133.234.056.760 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 180.638.229 | 319.509.995 |
| 155 | 4. Tài sản ngắn hạn khác | | - | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 791.703.151.577 | 758.916.598.635 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 4.032.315.546 | 5.032.315.546 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | | 4.032.315.546 | 5.032.315.546 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 659.426.759.177 | 652.335.335.604 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.8 | 349.638.787.250 | 351.772.981.566 |
| 222 | - Nguyên giá | | 546.481.176.677 | 521.218.591.997 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (196.842.389.427) | (169.445.610.431) |
| 224 | 2. Tài sản cố định thuê tài chính | V.9 | 63.063.259.656 | 66.904.116.714 |
| 225 | - Nguyên giá | | 76.381.530.221 | 76.381.530.221 |
| 226 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (13.318.270.565) | (9.477.413.507) |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | V.10 | 246.724.712.271 | 233.658.237.324 |
| 228 | - Nguyên giá | | 253.698.271.253 | 239.979.533.153 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (6.973.558.982) | (6.321.295.829) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 115.793.208.991 | 86.415.660.093 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | V.11 | 115.793.208.991 | 86.415.660.093 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | V.2b | 8.096.805.300 | 8.096.805.300 |
| 253 | 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 11.661.918.871 | 11.661.918.871 |
| 254 | 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (3.565.113.571) | (3.565.113.571) |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 4.354.062.563 | 7.036.482.092 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 3.295.358.502 | 5.268.261.344 |
| 263 | 2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | | - | 591.882.902 |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 269 | 4. Lợi thế thương mại | V.12 | 1.058.704.061 | 1.176.337.846 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 3.703.180.290.021 | 3.569.541.919.404 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 2.654.279.789.575 | 2.462.138.197.120 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 2.485.087.734.642 | 2.347.808.033.982 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.13 | 410.464.244.242 | 286.517.039.117 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | V.14 | 42.898.917.542 | 46.378.944.336 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.15 | 135.018.016.389 | 134.343.915.962 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | V.16 | 29.086.170.457 | 23.947.066.028 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.17 | 85.923.102.887 | 61.506.965.712 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | V.18 | 294.123.109.120 | 87.649.748.453 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.19.a | 1.467.238.502.204 | 1.698.058.771.492 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | V.20 | 20.335.671.801 | 9.405.582.882 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 169.192.054.933 | 114.330.163.138 |
| 331 | 1. Phải trả người bán dài hạn | | - | - |
| 337 | 2. Phải trả dài hạn khác | | - | - |
| 338 | 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.19.b | 169.192.054.933 | 114.330.163.138 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.048.900.500.446 | 1.107.403.722.284 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.21 | 1.048.900.500.446 | 1.107.403.722.284 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 476.400.000.000 | 476.400.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 476.400.000.000 | 476.400.000.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 7.211.680.048 | 7.211.680.048 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 153.973.590.462 | 119.095.387.120 |
| 420 | 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 37.868.297.114 | 27.342.989.573 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 170.370.731.878 | 279.179.962.957 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 41.290.237.742 | 51.215.446.517 |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 129.080.494.136 | 227.964.516.440 |
| 429 | 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 203.076.200.944 | 198.173.702.587 |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 3.703.180.290.021 | 3.569.541.919.404 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



TRẦN NGỌC HÙNG



TRẦN TÂN SƠN



LÊ QUỐC PHONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|-------|--|-------------|----------------------|----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 3.087.453.963.533 | 3.128.381.858.857 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | VI.2 | 57.845.421.175 | 23.753.062.323 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 3.029.608.542.358 | 3.104.628.796.534 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.3 | 2.607.666.942.906 | 2.735.959.139.532 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 421.941.599.452 | 368.669.657.002 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.4 | 1.612.310.309 | 800.159.508 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.5 | 58.654.078.335 | 45.840.921.361 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 41.453.487.720 | 40.235.307.158 |
| 24 | 8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết | | - | - |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | VI.6 | 115.432.204.586 | 133.687.521.041 |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.7 | 47.603.488.523 | 38.540.387.589 |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 201.864.138.317 | 151.400.986.519 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | VI.8 | 4.204.563.581 | 5.997.354.708 |
| 32 | 13. Chi phí khác | VI.9 | 2.462.030.541 | 1.136.589.878 |
| 40 | 14. Lợi nhuận khác | | 1.742.533.040 | 4.860.764.830 |
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 203.606.671.357 | 156.261.751.349 |
| 51 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | V.14 | 31.705.582.837 | 32.767.298.833 |
| 52 | 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 171.901.088.520 | 123.494.452.516 |
| 61 | 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | 129.080.494.136 | 104.805.601.414 |
| 62 | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | 42.820.594.384 | 18.688.851.102 |
| 70 | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.10 | 2.493 | 1.980 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



TRẦN NGỌC HÙNG



TRẦN TẤN SƠN



LÊ QUỐC PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

ĐVT: VND


| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 203.606.671.357 | 156.261.751.349 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 73.962.100.662 | 64.018.852.644 |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định | | 31.889.899.207 | 22.520.996.314 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 116.684.258 | 1.193.566.077 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | - | 513.435.262 |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | - | (444.452.167) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 41.955.517.197 | 40.235.307.158 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | - | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 277.568.772.019 | 220.280.603.993 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (260.392.756.508) | (324.677.717.200) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 277.703.424.602 | (53.858.738.780) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | | 89.203.981.301 | 58.832.940.084 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 1.556.625.771 | (1.704.711.155) |
| 13 | - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (40.940.093.498) | (40.235.307.158) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (33.536.408.812) | (39.566.789.762) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 17 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | (25.832.904.639) | (12.763.195.719) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 285.330.640.235 | (193.692.915.697) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (68.517.351.528) | (65.622.101.140) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 158.479.850 | 1.213.018.401 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | (10.000.000.000) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | - |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | - | - |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (68.358.871.678) | (74.409.082.739) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | - |
| 32 | 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | - | - |
| 33 | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 1.966.935.038.728 | 2.102.526.796.416 |
| 34 | 4. Tiền trả nợ gốc vay | | (2.139.648.580.221) | (1.900.219.396.494) |
| 35 | 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | (3.244.836.000) | (9.403.017.555) |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (37.027.200) | (121.632.038.080) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (175.995.404.693) | 71.272.344.287 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | | 40.976.363.864 | (196.829.654.149) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 425.567.717.430 | 411.281.268.344 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | V.1 | 466.544.081.294 | 214.451.614.195 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình đã đi vào sản xuất từ tháng 11/2015, dẫn đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 tăng 39% so với cùng kỳ năm 2015.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

| STT | Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|-----|---|---|---------------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| 1. | - Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An | Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam | Thể thao, quảng cáo | 100% | 100% | 100% |
| 2. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong | Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |
| 3. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng | Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |
| 4. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị | Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |
| 5. | - Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình | Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình | Sản xuất và thương mại phân bón | 51% | 51% | 51% |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|------------------------------------|---|
| Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An | Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. |

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.135 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.153 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ..

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị số kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 07 |

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản thuê</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 07 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.
- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

| <u>Loại tài sản vô hình</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Phần mềm | 07 – 10 |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ trong 10 năm.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 3.106.161.521 | 4.623.183.228 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 461.947.919.773 | 414.044.534.202 |
| Các khoản tương đương tiền(*) | <u>1.490.000.000</u> | <u>6.900.000.000</u> |
| Cộng | <u>466.544.081.294</u> | <u>425.567.717.430</u> |

(*) là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2.a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Cộng | <u>10.000.000.000</u> | <u>10.000.000.000</u> | <u>10.000.000.000</u> | <u>10.000.000.000</u> |

2.b Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

| Đơn vị được đầu tư | <u>Số cuối kỳ</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|---|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*) | 11.661.918.871 | 8.096.805.300 | (3.565.113.571) | 11.661.918.871 | 8.096.805.300 | (3.565.113.571) |
| Cộng | <u>11.661.918.871</u> | <u>8.096.805.300</u> | <u>(3.565.113.571)</u> | <u>11.661.918.871</u> | <u>8.096.805.300</u> | <u>(3.565.113.571)</u> |

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 7,56% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

| | <u>6 tháng đầu năm 2016</u> | <u>6 tháng đầu năm 2015</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | (3.565.113.571) | (3.353.169.995) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | (311.323.440) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | <u>(3.565.113.571)</u> | <u>(3.664.493.435)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | - | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 744.972.055.527 | 431.125.695.754 |
| Công ty TNHH Yetak – Cambodia | 139.802.067.582 | 71.131.496.858 |
| Công ty TNHH Hồng Nhung | 18.536.896.000 | 5.788.070.000 |
| Công ty TNHH TMDV Phan bón Tuấn Vũ | 38.859.138.200 | 11.395.377.700 |
| Công ty TNHH Thịnh Thành Đắc Lắc | 32.204.565.778 | 9.961.230.000 |
| Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan | 53.324.739.000 | 19.124.117.000 |
| Các khách hàng khác | 462.244.648.967 | 313.725.404.196 |
| Cộng | 744.972.055.527 | 431.125.695.754 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | - | - |
| Trả trước cho người bán khác | 41.262.482.469 | 35.947.330.676 |
| Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình | 17.700.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | 5.700.000.000 | 7.050.720.000 |
| Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn | - | 15.203.893.494 |
| Các đối tượng khác | 17.862.482.469 | 13.692.717.182 |
| Cộng | 41.262.482.469 | 35.947.330.676 |

5. Phải thu khác ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 3.737.502.545 | - | 3.737.502.545 | - |
| - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 3.737.502.545 | - | 3.737.502.545 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 81.607.460.381 | - | 16.081.373.384 | - |
| - Tạm ứng của nhân viên công ty | 11.201.174.816 | - | 9.147.311.652 | - |
| - Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương VN | 35.184.051.362 | - | - | - |
| - Công ty CP Cơ khí TM Đại Dũng | 13.051.463.000 | - | - | - |
| - Các khoản phải thu khác | 22.170.771.203 | - | 6.934.061.732 | - |
| Cộng | 85.344.962.926 | - | 19.818.875.929 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Số đầu năm | (5.607.259.925) | (5.982.538.138) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (116.684.258) | (2.486.421.225) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | 1.604.178.588 |
| Số cuối kỳ | (5.723.944.183) | (6.864.780.775) |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.250.639.553.350 | - | 1.419.233.444.843 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 5.580.764.695 | - | 5.230.796.508 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 14.270.029.119 | - | 20.934.090.284 | - |
| Thành phẩm | 214.299.569.670 | - | 311.356.662.915 | - |
| Hàng hóa | 3.907.927.483 | - | 3.321.261.404 | - |
| Cộng | 1.488.697.844.317 | - | 1.760.076.255.954 | - |

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 1.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

| | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|--|-------------------------|--|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 75.365.104.766 | 1.016.425.455 | 76.381.530.221 |
| Thuê trong kỳ | - | - | - |
| Số cuối kỳ | 75.365.104.766 | 1.016.425.455 | 76.381.530.221 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 9.307.545.140 | 169.868.367 | 9.477.413.507 |
| Khấu hao trong kỳ | 3.768.255.238 | 72.601.820 | 3.840.857.058 |
| Số cuối kỳ | 13.075.800.378 | 242.470.187 | 13.318.270.565 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 66.057.559.626 | 846.557.088 | 66.904.116.714 |
| Số cuối kỳ | 62.289.304.388 | 773.955.268 | 63.063.259.656 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất lâu dài | Phần mềm kế toán | Cộng |
|--|--------------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 239.265.756.153 | 713.777.000 | 239.790.756.153 |
| Mua trong kỳ | 13.718.738.100 | - | 13.718.738.100 |
| Số cuối kỳ | 252.984.494.253 | 713.777.000 | 253.698.271.253 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | 115.000.000 | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 5.924.959.142 | 396.336.687 | 6.321.295.829 |
| Khấu hao trong kỳ | 603.600.492 | 48.662.661 | 652.263.153 |
| Số cuối kỳ | 6.528.559.634 | 444.999.348 | 6.973.558.982 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 233.340.797.011 | 317.440.313 | 233.658.237.324 |
| Số cuối kỳ | 246.455.934.619 | 268.777.652 | 246.724.712.271 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ |
|--|-----------------------|---------------------------------------|---|---------------------------------|------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 4.619.138.911 | 7.872.257.900 | (1.320.000.000) | - | 11.171.396.811 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 81.796.521.182 | 40.401.981.831 | (19.106.890.833) | - | 103.090.612.180 |
| - Công trình nhà xưởng tại Ninh Bình | - | 5.250.706.206 | - | - | 5.250.706.206 |
| - Nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại Tây Ninh | 44.367.659.675 | 8.567.968.699 | (10.932.078.491) | - | 42.003.549.883 |
| - Công trình Bến tàu 3.000 DWT Bình Điền Long An | 6.538.918.427 | 18.233.889.518 | - | - | 24.772.807.945 |
| - Các công trình khác | 30.889.943.080 | 935.839.764 | (1.337.042.504) | (1.000.000) | 30.487.740.340 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 1.531.200.000 | - | - | 1.531.200.000 |
| Cộng | 86.415.660.093 | 49.805.439.731 | (20.426.890.833) | (1.000.000) | 115.793.208.991 |

12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại công ty phân bổ trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | - | - |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 410.464.244.242 | 286.517.039.117 |
| - Công ty CP Vinacam | 55.063.656.000 | 47.189.448.200 |
| - Công ty CP DAP – VINACHEM | 22.415.060.000 | 21.706.103.140 |
| - Công ty Cổ Phần Nông sản Long Hải | 51.806.640.480 | 83.933.425.719 |
| - Công ty TNHH Nguyễn Phan | 45.008.570.000 | - |
| - Công ty Newquest | 405.600.000 | 16.945.206.569 |
| - Các nhà cung cấp khác | 235.764.717.762 | 116.742.855.489 |
| Cộng | 410.464.244.242 | 286.517.039.117 |

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước của các bên liên quan | - | - |
| Trả trước của các khách hàng khác | 42.898.917.542 | 46.378.944.336 |
| - Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh | 3.347.780.250 | 4.279.764.400 |
| - Công ty TNHH Phương Yên | 465.336.107 | 1.624.579.325 |
| - Nguyễn Văn Hào | 3.985.576.161 | 2.969.963.143 |
| - Tạ Đình Thắng | 2.342.485.898 | - |
| - Đặng Văn Lân | - | 2.406.050.945 |
| - Các khách hàng khác | 32.757.739.126 | 35.098.586.523 |
| Cộng | 42.898.917.542 | 46.378.944.336 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Thuế GTGT hàng nội địa | 3.680.064.807 | 543.830.855 |
| Thuế GTGT xuất, nhập khẩu | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 15.677.550.623 | 17.508.376.598 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 608.386.978 | 1.604.087.854 |
| Giá trị quyền sử dụng đất | 114.687.620.655 | 114.687.620.655 |
| Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác | 364.393.326 | - |
| Cộng | 135.018.016.389 | 134.343.915.962 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị được giảm 50%, Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình được miễn. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 203.606.671.357 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | | 1.341.996.520 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | | - |
| Thu nhập chịu thuế | | 204.948.667.877 |
| Thu nhập được miễn thuế | | (36.500.463.426) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | | - |
| Thu nhập tính thuế | | 168.448.204.451 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | | 40.989.733.575 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông | | (517.580.362) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm | | (8.766.570.376) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | | 31.705.582.837 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | | - |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | | 31.705.582.837 |
| | | |
| 16. Phải trả người lao động | | |
| Là quỹ lương còn phải trả người lao động. | | |
| | | |
| 17. Chi phí phải trả ngắn hạn | | |
| Là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong kỳ. | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| - Trích trước chi phí chiết khấu | 12.950.674.000 | 28.958.551.270 |
| - Trích trước chi phí khuyến mãi | 18.873.914.000 | 6.947.796.250 |
| - Trích trước hỗ trợ bán hàng | 21.888.478.862 | 20.878.984.222 |
| - Trích trước chi phí sửa chữa lớn | 10.000.000.000 | - |
| - Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 22.210.036.025 | 4.721.633.970 |
| Cộng | 85.923.102.887 | 61.506.965.712 |
| | | |
| 18. Phải trả ngắn hạn khác | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| - Kinh phí, đoàn phí công đoàn | 966.966.949 | 722.314.407 |
| - Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp | 1.115.677.733 | 4.014.272.610 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 167.844.032.955 | 56.552.580 |
| - Quỹ an sinh xã hội | 292.908.000 | 292.908.000 |
| - Quỹ người nghèo | 2.045.163.491 | 1.654.348.183 |
| - Phải trả hỗ trợ bán hàng đại lý | 8.997.652.800 | - |
| - Giá trị tạm tính Nhà máy Ninh Bình | 69.973.590.863 | 70.358.019.863 |
| - Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 42.887.116.329 | 10.551.332.810 |
| Cộng | 294.123.109.120 | 87.649.748.453 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan | - | - | - | - |
| Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 1.465.407.211.918 | 1.465.407.211.918 | 1.688.930.833.406 | 1.688.930.833.406 |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾ | 31.869.485.634 | 31.869.485.634 | 48.411.658.767 | 48.411.658.767 |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾ | 319.347.735.949 | 319.347.735.949 | 244.995.997.487 | 244.995.997.487 |
| - Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM | - | - | 2.746.586.900 | 2.746.586.900 |
| - Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽³⁾ | 33.886.741.800 | 33.886.741.800 | 56.129.709.552 | 56.129.709.552 |
| - Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽⁴⁾ | 26.483.427.500 | 26.483.427.500 | 72.480.599.715 | 72.480.599.715 |
| - Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽⁵⁾ | 28.741.200.000 | 28.741.200.000 | 19.406.250.000 | 19.406.250.000 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi ⁽⁶⁾ | 69.782.639.817 | 69.782.639.817 | 78.337.020.382 | 78.337.020.382 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁷⁾ | 103.203.930.617 | 103.203.930.617 | 113.344.678.210 | 113.344.678.210 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽⁸⁾ | 409.788.454.266 | 409.788.454.266 | 448.501.750.400 | 448.501.750.400 |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận ⁽⁹⁾ | 16.528.705.978 | 16.528.705.978 | 62.690.741.595 | 62.690.741.595 |
| - Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽¹⁰⁾ | 35.684.523.995 | 35.684.523.995 | 64.529.460.034 | 64.529.460.034 |
| - Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM ⁽¹¹⁾ | 28.937.999.950 | 28.937.999.950 | 44.595.574.400 | 44.595.574.400 |
| - Vay nhân viên công ty ⁽¹²⁾ | 24.717.971.518 | 24.717.971.518 | 32.367.941.372 | 32.367.941.372 |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn | 97.939.387.755 | 97.939.387.755 | 59.411.568.446 | 59.411.568.446 |
| - Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị | 30.081.139.461 | 30.081.139.461 | 67.299.753.242 | 67.299.753.242 |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị | 33.966.693.059 | 33.966.693.059 | 36.336.777.354 | 36.336.777.354 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng | 45.481.760.000 | 45.481.760.000 | 81.075.312.850 | 81.075.312.850 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đà Lạt | 29.591.142.000 | 29.591.142.000 | 55.509.222.900 | 55.509.222.900 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình | 99.374.272.619 | 99.374.272.619 | 100.760.229.800 | 100.760.229.800 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 1.831.290.286 | 1.831.290.286 | 9.127.938.086 | 9.127.938.086 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Cộng | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|------|--------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| | Số có khả năng trả | | Số có khả năng trả | |
| | Giá trị | nợ | Giá trị | nợ |
| | 1.467.238.502.204 | 1.467.238.502.204 | 1.698.058.771.492 | 1.698.058.771.492 |

(1) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng vay số BIT.DN.420.180516 ngày 07 tháng 06 năm 2016, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh phân bón các loại, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng 15.03100116/2015-HĐTD/HNCT900-BFC ngày 17 tháng 09 năm 2015. Hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua Nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(3) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTT ngày 05 tháng 04 năm 2012, và phụ lục Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTT/PL03 ngày 03 tháng 09 năm 2015, hạn mức 60.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, vay tín chấp.

(4) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 151378 ngày 09 tháng 07 năm 2015 điều chỉnh lần 3 của Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 07120742 ngày 30/04/2012. Hạn mức 10,000,000.00 USD (hoặc tương đương VND). Mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động cho công ty nhập khẩu và mua nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(5) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Số 08814/PN-HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2014. Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(6) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hàm Nghi theo Hợp đồng vay số HM.0151.15/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(7) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Nghé theo Hợp đồng vay số 43/2015/5762220/HĐTD ngày 13 tháng 07 năm 2015. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(8) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 0225/KH/14NH ngày 31 tháng 12 năm 2015, Hạn mức 500.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(9) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng vay số 1604LAV201500604 ngày 14/07/2015, hạn mức 90.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 7%/năm. Vay tín chấp.

(10) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay Số BC_HĐTD/BFC/201311 ngày 01 tháng 11 năm 2013 kèm theo các phụ lục bổ sung theo từng lần nhận nợ. Hạn mức 10,000,000 USD, tương đương 208.280.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(11) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM theo hợp đồng vay Số BFL/12-33 ngày 09 tháng 08 năm 2012, kèm theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số SBFL/15-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

241 ngày 16 tháng 11 năm 2015, hạn mức 10,000,000.00 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu mua hàng hóa, Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

⁽¹²⁾ Là khoản vay các nhân viên Công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.656.558.892.034 | 1.854.646.483.029 | (2.070.516.134.663) | 1.440.689.240.400 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 32.367.941.372 | 127.806.982 | (7.777.776.836) | 24.717.971.518 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 9.131.938.086 | - | (7.300.647.800) | 1.831.290.286 |
| Cộng | 1.698.058.771.492 | 1.854.774.290.011 | (2.085.594.559.299) | 1.467.238.502.204 |

19.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn phải trả các bên liên quan | - | - | - | - |
| Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 137.207.865.622 | 137.207.865.622 | 82.345.973.827 | 82.345.973.827 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Tây Sài Gòn ⁽¹⁾ | 33.028.113.872 | 33.028.113.872 | 21.776.989.863 | 21.776.989.863 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Ninh Bình ⁽²⁾ | 104.179.751.750 | 104.179.751.750 | 60.568.983.964 | 60.568.983.964 |
| Nợ thuê tài chính | 31.984.189.311 | 31.984.189.311 | 31.984.189.311 | 31.984.189.311 |
| - Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽³⁾ | 19.430.411.000 | 19.430.411.000 | 19.430.411.000 | 19.430.411.000 |
| - Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽⁴⁾ | 7.308.526.914 | 7.308.526.914 | 7.308.526.914 | 7.308.526.914 |
| - Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽⁵⁾ | 5.245.251.397 | 5.245.251.397 | 5.245.251.397 | 5.245.251.397 |
| Cộng | 169.192.054.933 | 169.192.054.933 | 114.330.163.138 | 114.330.163.138 |

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn, theo Hợp đồng vay số 150270045/2015-HĐTDHM/NHCT923 ngày 10/06/2015. Hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, thời hạn 96 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích phục vụ cho dự án nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền Mekong. Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và số BM189702 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19/01/2015; Toàn bộ máy móc thiết bị đang được lắp đặt và sử dụng tại nhà máy phân bón thuốc BVTV Bình Điền - Mekong KCN Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong.

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 08/2015-HĐTD/NHCT400- BINH DIEN ngày 10/06/2015. Hạn mức cho vay 186.000.000.000 đồng, mục đích đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền - Ninh Bình, Thời hạn vay 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo; theo Hợp đồng thế chấp số 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 tháng 06 năm 2015 bao gồm các hạng mục hiện có và xây dựng thêm thuộc dự án xây dựng nhà máy NPK trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại KCN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Giá trị tài sản thế chấp là 231.612.000.000 đồng; Hợp đồng số 09/2015 – HĐCĐS/NHCT400 tháng 06/2015 bao gồm toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị hiện có và hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy sản xuất NPK tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Giá trị tài sản thế chấp là 39.409.000.000 đồng.

⁽³⁾ Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 53/2014/TSC-CTTC ngày 25 tháng 08 năm 2014 giữa Công ty Cp Bình Điền – Ninh Bình và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thời hạn 24 tháng.

⁽⁴⁾ Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

⁽⁵⁾ Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00040-000/HĐTTC-BĐ giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

Kỳ hạn thanh toán các nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | - | - |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 169.192.054.933 | 114.330.163.138 |
| Trên 5 năm | - | - |
| Cộng | <u>169.192.054.933</u> | <u>114.330.163.138</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển sang nợ ngắn hạn</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-------------------|-------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn | 82.345.973.827 | 54.861.891.795 | - | 137.207.865.622 |
| Nợ thuê tài chính | 31.984.189.311 | - | - | 31.984.189.311 |
| Cộng | <u>114.330.163.138</u> | <u>16.052.030.376</u> | <u>(8.530.914.917)</u> | <u>169.192.054.933</u> |

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Tăng khác</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------|-----------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 6.308.395.229 | 12.517.969.680 | - | (13.417.053.664) | 5.409.311.245 |
| Quỹ phúc lợi | 3.097.187.653 | 24.141.005.488 | 108.000.000 | (12.419.832.585) | 14.926.360.556 |
| Cộng | <u>9.405.582.882</u> | <u>36.658.975.168</u> | <u>108.000.000</u> | <u>(25.836.886.249)</u> | <u>20.335.671.801</u> |

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Tỷ lệ (%)</u> | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Tỷ lệ (%)</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|----------------------|-------------------------------|----------------------|-------------------------------|
| - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 65,00 | 309.660.000.000 | 65,00 | 309.660.000.000 |
| - Vốn góp của các đối tượng khác | 35,00 | 166.740.000.000 | 35,00 | 166.740.000.000 |
| Cộng | <u>100,00</u> | <u>476.400.000.000</u> | <u>100,00</u> | <u>476.400.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | |
|--|-----------------|
| Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: | 476.400.000.000 |
| Vốn điều lệ đã góp: | 476.400.000.000 |
| Vốn điều lệ còn phải góp: | - |

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------------------|-----------------|-------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 476.400.000.000 | 476.400.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 476.400.000.000 | 476.400.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả | (37.027.200) | (121.632.038.080) |

21d. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 47.640.000 | 47.640.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 47.640.000 | 47.640.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu) | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 47.640.000 | 47.640.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 47.640.000 | 47.640.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

21e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

21f. Phân phối lợi nhuận

| | | |
|---|---|-----------------|
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : | 20.290.440.915 |
| Trong đó: | | |
| Số đã tạm trích trong năm tài chính 2015 là | : | 1.000.000.000 |
| Số còn phải trích năm tài chính 2016 là | : | 19.290.440.915 |
| • Trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành | : | 500.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : | 30.435.661.372 |
| • Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | : | 10.145.220.457 |
| • Phân chia cổ tức cho các cổ đông | : | 142.920.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa | 3.087.335.102.595 | 3.123.469.023.539 |
| - Doanh thu khác | 118.860.938 | 4.912.835.318 |
| Cộng | 3.087.453.963.533 | 3.128.381.858.857 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ Công ty không phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| - Chiết khấu thương mại | 55.468.176.675 | 23.184.248.223 |
| - Hàng bán bị trả lại | 2.377.244.500 | 568.814.100 |
| Cộng | 57.845.421.175 | 23.753.062.323 |

3. Giá vốn hàng bán

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| - Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán | 2.607.666.942.906 | 2.735.959.139.532 |
| - Giá vốn các hoạt động khác | - | - |
| Cộng | 2.607.666.942.906 | 2.735.959.139.532 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| - Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay | 955.506.118 | 769.616.740 |
| - Khác | 656.804.191 | 30.542.768 |
| Cộng | 1.612.310.309 | 800.159.508 |

5. Chi phí tài chính

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| - Chi phí lãi vay | 41.453.487.720 | 40.235.307.158 |
| - Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | - | 311.323.440 |
| - Chiết khấu thanh toán | 16.513.964.600 | - |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 603.773.510 | 3.183.588.834 |
| - Khác | 82.852.505 | 2.110.701.929 |
| Cộng | 58.654.078.335 | 45.840.921.361 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIÊN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 6.648.795.077 | 4.048.673.575 |
| - Chi phí vật liệu, bao bì | 1.575.562.615 | 515.677.288 |
| - Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị | 32.784.591.911 | 34.102.152.966 |
| - Chi phí hỗ trợ bán hàng | 18.884.736.075 | 30.854.646.024 |
| - Chi phí hàng quà tặng | 4.262.145.232 | 9.291.737.084 |
| - Chi phí vận chuyển | 6.546.302.324 | 13.576.170.428 |
| - Chi phí mua ngoài | 39.208.532.686 | 36.912.215.340 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 5.521.538.666 | 4.386.248.336 |
| Cộng | 115.432.204.586 | 133.687.521.041 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 21.251.560.495 | 16.228.673.792 |
| - Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng | 1.948.552.761 | 1.135.373.925 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.170.892.184 | 1.224.610.949 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 83.015.463 | 391.513.439 |
| - Chi phí dự phòng | 237.848.458 | 882.242.637 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 17.808.213.295 | 16.007.226.493 |
| - Lợi thế thương mại | - | 117.633.785 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 5.103.405.867 | 2.553.112.569 |
| Cộng | 47.603.488.523 | 38.540.387.589 |

8. Thu nhập khác

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| - Chiết khấu mua hàng được hưởng | 1.754.550.000 | - |
| - Thu nhượng bán tài sản cố định | - | 1.213.018.401 |
| - Thu nhập từ bán phế liệu | - | 4.327.758.500 |
| - Thu nhập từ bồi thường hao hụt | 15.633.790 | 187.264.981 |
| - Thu nhập khác | 2.434.379.791 | 269.312.826 |
| Cộng | 4.204.563.581 | 5.997.354.708 |

9. Chi phí khác

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Chi phí nộp lại tiền thuế môi trường | 1.440.000.000 | - |
| - Chi phí khác | 1.022.030.541 | 1.136.589.878 |
| Cộng | 2.462.030.541 | 1.136.589.878 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 129.080.494.136 | 104.805.601.414 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | (10.326.439.531) | (10.480.560.141) |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | <u>(10.326.439.531)</u> | <u>(10.480.560.141)</u> |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 118.754.054.605 | 94.325.041.273 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 47.640.000 | 47.640.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>2.493</u> | <u>1.980</u> |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.364.867.418.510 | 2.082.034.013.374 |
| - Chi phí nhân công | 96.514.822.469 | 95.084.949.325 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 31.889.899.208 | 22.082.345.220 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 213.759.119.825 | 216.818.346.025 |
| - Chi phí khác | 5.912.490.746 | 6.898.222.310 |
| Cộng | <u>2.712.943.750.758</u> | <u>2.422.917.876.254</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(*)

| | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Tiền lương, thù lao và tiền thưởng | <u>4.381.603.334</u> | <u>1.438.921.077</u> |
| Cộng | <u>4.381.603.334</u> | <u>1.438.921.077</u> |

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|------------------------------|------------------------------|
| - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | Là công ty mẹ (chiếm 65,00%) |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ Công ty có phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Cổ tức | - | 86.704.800.000 |
| Cộng | - | 86.704.800.000 |

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.5.

2. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

| | Nội địa | Xuất khẩu | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|
| 6 tháng đầu năm 2016 | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.746.554.785.288 | 283.053.757.070 | 3.029.608.542.358 |
| Giá vốn hàng bán | 2.362.858.418.435 | 244.808.524.471 | 2.607.666.942.906 |
| Lợi nhuận gộp | 383.696.366.853 | 38.245.232.599 | 421.941.599.452 |
| 6 tháng đầu năm 2015 | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.787.074.224.886 | 317.554.571.648 | 3.104.628.796.534 |
| Giá vốn hàng bán | 2.459.262.979.686 | 276.696.159.846 | 2.735.959.139.532 |
| Lợi nhuận gộp | 327.811.245.200 | 40.858.411.802 | 368.669.657.002 |

3. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, tài sản cố định hữu hình khác (thuyết minh số V.19a, V.19b).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác.

4. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tập đoàn không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

6. Giải thích biến động lợi nhuận cùng kỳ

| Chỉ tiêu | 6 tháng đầu năm | | |
|--|-----------------|-----------------|--------|
| | Năm nay | Năm trước | Tỷ lệ |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 171.901.088.520 | 123.494.452.516 | 39,20% |

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2016 tăng 39,20% so cùng kỳ năm 2015 nguyên nhân chủ yếu do đóng góp lợi nhuận từ Công ty con là Công ty cổ phần Bình Điền Ninh Bình. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình đã bắt đầu đi vào sản xuất từ tháng 11 năm 2015 vì vậy trong 6 tháng đầu 2016 Công ty con này đã đóng góp làm tăng lợi nhuận của Tập đoàn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Phụ lục số 1

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TĂNG SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Chỉ tiêu | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Tổng cộng |
|--|------------------------|-------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------|-----------------|
| I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình | | | | | | |
| 1. Số dư đầu năm | 353.513.591.494 | 127.009.641.876 | 35.503.906.669 | 2.910.287.958 | 2.281.164.000 | 521.218.591.997 |
| 2. Tăng trong năm | 794.276.886 | 19.257.921.399 | 4.841.551.245 | 114.045.000 | 413.270.000 | 25.421.064.530 |
| - Tăng do mua mới | 794.276.886 | 19.257.921.399 | 4.841.551.245 | 114.045.000 | 413.270.000 | 25.421.064.530 |
| - Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang | - | - | - | - | - | - |
| 3. Giảm trong năm | - | 158.479.850 | - | - | - | 158.479.850 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | 158.479.850 | - | - | - | 158.479.850 |
| 4. Số dư cuối năm | 354.307.868.380 | 146.109.083.425 | 40.345.457.914 | 3.024.332.958 | 2.694.434.000 | 546.481.176.677 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 565.091.818 | 9.859.064.659 | 3.905.330.192 | 676.209.908 | - | 15.005.696.577 |
| II Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| 1 Số dư đầu năm | 71.058.934.951 | 75.047.645.145 | 21.617.439.692 | 1.612.326.085 | 109.264.558 | 169.445.610.431 |
| 2. Tăng trong năm | 15.313.416.516 | 9.252.184.067 | 2.366.947.655 | 235.825.822 | 228.404.936 | 27.396.778.996 |
| - Khấu hao trong kỳ | 15.313.416.516 | 9.252.184.067 | 2.366.947.655 | 235.825.822 | 228.404.936 | 27.396.778.996 |
| 3. Giảm trong năm | - | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - |
| 4. Số dư cuối năm | 86.372.351.467 | 84.299.829.212 | 23.984.387.347 | 1.848.151.907 | 337.669.494 | 196.842.389.427 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 282.454.656.543 | 51.961.996.731 | 13.886.466.977 | 1.297.961.873 | 2.171.899.442 | 351.772.981.566 |
| 2. Tại ngày cuối năm | 267.935.516.913 | 61.809.254.213 | 16.361.070.567 | 1.176.181.051 | 2.356.764.506 | 349.638.787.250 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp | 18.745.165.881 | 5.001.958.743 | 39.999.990 | - | 231.167.209 | 24.018.291.823 |

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

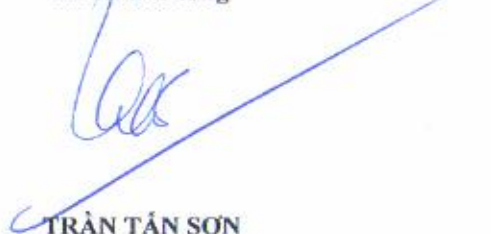
| Chỉ tiêu | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|--------------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-------------------|
| 1. Số dư đầu năm trước | 476.400.000.000 | 7.211.680.048 | 75.500.448.264 | 17.263.178.515 | 265.332.471.745 | 163.199.646.452 | 1.004.907.425.024 |
| 2. Tăng trong năm trước | - | - | 43.594.938.856 | 10.079.811.058 | 228.964.516.440 | 70.269.033.504 | 352.908.299.858 |
| - Tăng vốn trong năm | - | - | - | - | - | 19.000.000.000 | 19.000.000.000 |
| - Tăng từ phân phối lợi nhuận | - | - | 43.594.938.856 | 10.079.811.058 | - | - | 53.674.749.914 |
| - Tăng từ kết quả kinh doanh | - | - | - | - | 228.964.516.440 | 51.269.033.504 | 280.233.549.944 |
| 3. Giảm trong năm trước | - | - | - | - | 215.117.025.228 | 35.294.977.370 | 250.412.002.598 |
| - Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | 215.117.025.228 | 35.294.977.370 | 250.412.002.598 |
| 4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay | 476.400.000.000 | 7.211.680.048 | 119.095.387.120 | 27.342.989.573 | 279.179.962.957 | 198.173.702.586 | 1.107.403.722.284 |
| 5. Tăng trong năm nay | - | - | 34.878.203.342 | 10.525.307.541 | 129.080.494.136 | 42.820.594.384 | 217.304.599.403 |
| - Tăng từ kết quả kinh doanh | - | - | - | - | 129.080.494.136 | 42.820.594.384 | 171.901.088.520 |
| - Tăng từ phân phối lợi nhuận | - | - | 34.878.203.342 | 10.525.307.541 | - | - | 45.403.510.883 |
| 6. Giảm trong năm nay | - | - | - | - | 237.889.725.214 | 37.918.096.027 | 275.807.821.241 |
| - Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | 237.889.725.214 | 37.918.096.027 | 275.807.821.241 |
| 7. Số dư cuối năm nay | 476.400.000.000 | 7.211.680.048 | 153.973.590.462 | 37.868.297.114 | 170.370.731.879 | 203.076.200.944 | 1.048.900.500.446 |

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2016



Tổng Giám đốc

LÊ QUỐC PHONG